

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-PT  
Ngày 17-11-2020  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Hồ Điệp

*Các Thẩm phán:*

Bà Bùi Thị Thúy Hà

Bà Trần Thị Vân Thúy

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2020/TLPT- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 241/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị A, trú tại: Thôn KG, xã AT, huyện AL, thành phố Hải Phòng; có mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Linh B, trú tại: Thôn KG, xã AT, huyện AL, thành phố Hải Phòng; có mặt;

3. *Người kháng cáo:* Chị Lương Thị A là nguyên đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 11 năm 2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị A trình bày:*

Chị Lương Thị A và anh Nguyễn Linh B kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện AL, thành phố Hải Phòng vào ngày 22 tháng 5 năm 1998. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vào những năm gần đây do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau, anh B chửi và đánh vợ, con. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên kết hợp khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị A xin ly hôn anh Nguyễn Linh B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thế Hùng, sinh ngày 26 tháng 11 năm 1998, hiện đã trưởng thành không phải nuôi dưỡng và Nguyễn Thị Phương Linh, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2007. Chị A yêu cầu được nuôi con Nguyễn Thị Phương Linh và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 nhà xây 01 tầng diện tích khoảng 60m<sup>2</sup> trên diện tích đất là 140m<sup>2</sup> tại thôn KG, xã AT, huyện AL, thành phố Hải Phòng, đã được Ủy ban nhân dân huyện AL thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Nguyễn Linh B, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Chị A yêu cầu được nhận nhà, đất và trả lại cho anh B một nửa số tiền theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản là 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng).

*Bị đơn anh Nguyễn Linh B trình bày:* Thống nhất với lời khai của chị Lương Thị A về thời gian, điều kiện kết hôn, về con chung và tài sản chung.

Về mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm và không tin tưởng nhau về tình cảm, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Chị A có đơn xin ly hôn, anh B thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh B nhất trí giao con Nguyễn Thị Phương Linh cho chị A nuôi, chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên anh nhất trí.

Về tài sản chung: Ngôi nhà xây 01 tầng diện tích khoảng 60m<sup>2</sup> trên diện tích đất là 140m<sup>2</sup> tại thôn KG, xã AT, huyện AL, thành phố Hải Phòng, đã được Ủy ban nhân dân huyện AL thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Linh B là do anh B mua vào tháng 10 năm 1998, sau khi vợ chồng cưới nhau được 05 tháng. Năm 2008, khi xây dựng nhà có sự hỗ trợ của đơn vị nơi anh B công tác nên anh B yêu cầu chia đôi tài sản theo giá trị thực tế nhà và đất là 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng). Anh B yêu cầu được nhận nhà, đất để sử dụng và có trách nhiệm trả cho chị A số tiền 750.000.000đ (bảy trăm năm

mười triệu đồng) để chị A đi tìm nơi ở khác.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 23/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Lão thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị A và anh Nguyễn Linh B.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Lương Thị A và anh Nguyễn Linh B. Giao con Nguyễn Thị Phương Linh, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2007 cho chị Lương Thị A nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Nguyễn Linh B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Giao cho anh Nguyễn Linh B sở hữu căn nhà xây mái bằng và toàn bộ công trình phụ trên diện tích 140m<sup>2</sup> đất tại thửa số 248, tờ bản đồ 195-B-2 thôn KG, xã AT, huyện AL, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện AL, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12 tháng 8 năm 2003 mang tên Nguyễn Linh B (có sơ đồ kèm theo).

Anh Nguyễn Linh B có trách nhiệm trả sang cho chị Lương Thị A số tiền chênh lệch giá trị tài sản là 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Chị Lương Thị A có quyền lưu cư trong thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bản án có tuyên quyền kháng cáo và án phí đối với các đương sự.

Ngày 24/8/2020, chị Lương Thị A kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm giao nhà, đất cho chị và các con có chỗ ở ổn định, chị sẽ thanh toán cho anh B số tiền mà Tòa sơ thẩm đã tuyên chị phải trả anh B. Lý do kháng cáo: Mẹ con chị A không còn nơi ở nào khác, chị phải nuôi hai con nhỏ trong khi anh B không phải nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Chị A không có việc làm ổn định, không có lương, hoàn cảnh khó khăn. Anh B là bộ đội chuyên nghiệp có lương cao và thu nhập ổn định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Tòa án nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Chị A và anh B đều xác nhận tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà xây 01 tầng diện tích khoảng 60m<sup>2</sup> trên diện tích đất là 140m<sup>2</sup> tại thôn KG, xã AT, huyện AL, thành phố Hải Phòng, đã được Ủy ban nhân dân huyện AL thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Linh B. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A yêu cầu nhận nhà, đất và thanh toán cho anh B 1 tỷ đồng nhưng chị A khai chị là nông dân từ khi kết hôn với anh B, chị không có nghề nghiệp và không có thu nhập. Hiện chị đang bán hàng hoa quả nhưng không chứng minh được khả năng thanh toán số tiền một tỷ cho anh B. Chị A cũng không chứng minh được nguồn tiền mua nhà và đất là của gia đình chị cho chị. Đối với anh B cũng yêu cầu nhận nhà, đất để sử dụng khi anh nghỉ theo chế độ và anh B chứng minh được việc anh có khả năng thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị A. Mặt khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện AL cấp mang tên anh B nên cấp sơ thẩm giao nhà, đất cho anh B quản lý, sử dụng là đúng quy định. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị A. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Xét kháng cáo của chị Lương Thị A thấy các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện về nguồn gốc nhà, đất do anh B nhận chuyển nhượng đất vào tháng 10 năm 1998, sau khi vợ chồng lấy nhau được 05 tháng, nguồn tiền chủ yếu là của anh B. Năm 2008, khi xây dựng nhà, anh B được Lữ đoàn 603 Bộ tư lệnh Quân khu 3 là nơi anh B đang công tác hỗ trợ chính sách xây “nhà đồng đội” theo chính sách hậu phương Quân đội với số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Ngoài ra còn có sự đóng góp công sức của cán bộ chiến sỹ Lữ đoàn 603 Bộ tư lệnh Quân khu 3. Tại văn bản số 1064/LĐ-TM ngày 08 tháng 8 năm 2020 của Lữ đoàn 603 Bộ tư lệnh Quân khu 3 đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng của anh B, giao nhà đất cho anh B sử dụng để anh B yên tâm công tác. Mặt khác, xét thấy bản thân anh B vẫn mong muốn đoàn tụ vợ chồng để nuôi dạy các con nhưng chị A vẫn yêu cầu ly hôn anh B. Chị A cho rằng chị phải nuôi hai con nhỏ trong khi anh B không phải nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên cần có chỗ

ở cho các con nhưng các tài liệu thể hiện con chung của anh chị là Nguyễn Thế Hùng, sinh ngày 26 tháng 11 năm 1998, hiện đã trưởng thành không phải nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Thị Phương Linh, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2007. Chị A tự nguyện nhận nuôi và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Tại cấp sơ thẩm, chị A yêu cầu giao nhà và đất cho chị sử dụng nhưng chỉ thanh toán cho anh B 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng). Trong khi đó, anh B tự nguyện trả cho chị A phần giá trị chênh lệch tài sản theo giá thực tế là 750.000.000đ nếu anh được giao quyền sử dụng nhà đất. Tại cấp phúc thẩm, chị A yêu cầu giao nhà và đất cho chị sử dụng và chị có trách nhiệm thanh toán cho anh B 01 tỷ đồng nhưng chị A không chứng minh được khả năng tài chính của mình để thanh toán số tiền một tỷ cho anh B. Đối với anh B, hiện cũng không có chỗ ở, nguyện vọng của anh B muốn quản lý và sử dụng ngôi nhà là nhà đồng đội của đơn vị anh và mục đích của anh cũng để cho các con của anh chị sử dụng sau này. Trong khi đó anh B chứng minh được khả năng thanh toán số tiền 750.000.000đồng cho chị A như bản án sơ thẩm đã quyết định. Như vậy, căn cứ vào các nhận định và chứng cứ trên thấy tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 59 và khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình quyết định giao nhà và đất cho anh B sở hữu, sử dụng và anh B có trách nhiệm thanh toán cho chị A số tiền 750.000.000đ là phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận lý do kháng cáo của chị A.

[2] Về án phí ly hôn phúc thẩm: Chị A phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, điểm b khoản 2 Điều 59 và khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào **Điều 26, Điều 27, Điều 29** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lương Thị A,

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2020/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Lão thành phố Hải Phòng

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị A và anh Nguyễn Linh B.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Lương Thị A và anh Nguyễn Linh B. Giao con Nguyễn Thị Phương Linh, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2007 cho chị Lương Thị A nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Nguyễn Linh B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

### 3. Về tài sản chung:

Giao cho anh Nguyễn Linh B sở hữu căn nhà xây mái bằng và toàn bộ công trình phụ trên diện tích 140m<sup>2</sup> đất tại thửa số 248, tờ bản đồ 195-B-2 thôn KG, xã AT, huyện AL, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện AL, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12 tháng 8 năm 2003 mang tên Nguyễn Linh B (có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Anh Nguyễn Linh B có trách nhiệm trả sang cho chị Lương Thị A số tiền chênh lệch giá trị tài sản là 750.000.000đ (bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Chị Lương Thị A có quyền lưu cư trong thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lương Thị A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 34.000.000đ (ba mươi tư triệu đồng) án phí chia tài sản chung, tổng cộng là: 34.300.000đ (ba mươi tư triệu ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lương Thị A đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017456 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AL, thành phố Hải Phòng. Chị Lương Thị A còn phải nộp 34.000.000đ (ba mươi tư triệu đồng).

Anh Nguyễn Linh B phải nộp 34.000.000đ (ba mươi tư triệu đồng) án phí chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng dân sự sơ thẩm là 28.500.000đ (hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 0011307 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AL, thành phố Hải Phòng. Anh Nguyễn Linh B còn phải nộp số tiền là 5.500.000đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Về án phí ly hôn phúc thẩm: Chị Lương Thị A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện AL, thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011502 ngày 27 tháng 8 năm 2020.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện AL;
- Chi cục THADS huyện AL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Diệp**









